

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm tương đồng với thị trường chứng khoán Châu Á

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL đồng loạt giảm giá, tương đồng với TTCK Châu Á

## [Tâm điểm cổ phiếu trong ngày]

BRS, SSI

## [Quan điểm đầu tư]

Tránh mua đuổi, chờ nhịp điều chỉnh rõ nét hơn trước khi mở lại từng phần trạng thái ngắn hạn tại các vùng hỗ trợ.

15/12/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,055.27	-0.83
VN30	1,013.02	-1.10
HĐTL VN30F1M	1,014.70	-1.10
HNXIndex	167.87	+1.29
HNX30	281.86	-0.09
UPCoM	69.62	+0.37
USD/VND	23,127	+0.06
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.35	-3
Lãi suất qua đêm (%)	0.16	+6
Dầu (WTI, \$)	46.99	+0.00
Vàng (LME, \$)	1,847.06	+1.08

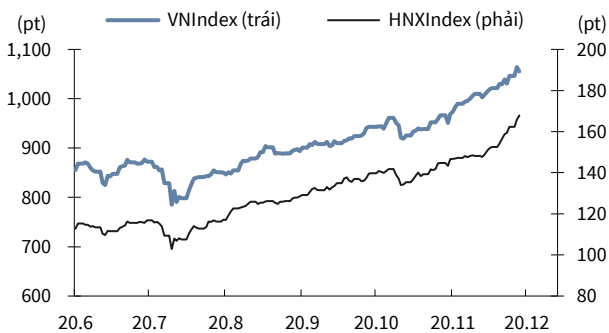


# Điểm nhấn thị trường

<b>VNIndex</b>	<b>1,055.27 (-0.83%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>621.1 (+25.1%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>586.0 (+7.4%)</b>
<b>HNXIndex</b>	<b>167.87 (+1.29%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>101.0 (+30.7%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>48.7 (+12.6%)</b>
<b>UPCoM</b>	<b>69.62 (+0.37%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>53.5 (-55.0%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>25.0 (-69.4%)</b>
<b>NĐTNN mua ròng (triệu US\$)</b>	<b>-36.0</b>

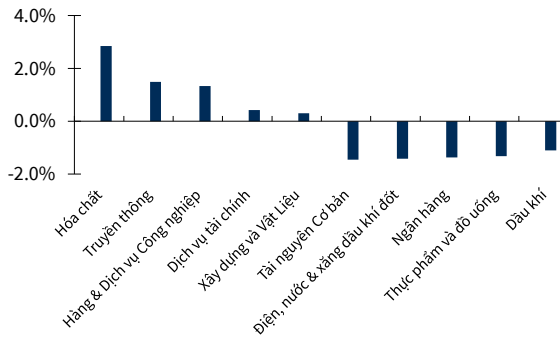
TTCK Việt Nam giảm điểm tương đồng với thị trường chứng khoán Châu Á trong bối cảnh số ca nhiễm Covid-19 tăng mạnh tại nhiều quốc gia làm lu mờ sự lạc quan từ việc vaccine được triển khai ở Mỹ. Theo Tổng cục Hải quan trong tháng 11/2020, lượng ô tô nhập khẩu nguyên chiếc đạt 12.237 xe, giảm 10.4% so với tháng trước đó, đồng thời tổng trị giá ô tô nhập khẩu nguyên chiếc đạt 273.04 triệu USD giảm 3.6% so với tháng trước khiến cổ phiếu ngành ô tô giảm giá như HTL (-1.2%), HAX (-0.5%). Cổ phiếu nhóm thủy sản tăng giá ở VHC (+2.5%), SEA (+0.7%) trước thông tin từ Diễn đàn cá đáy GFF dự báo nguồn cung thịt cá trắng khai thác tự nhiên và nuôi trồng sẽ phục hồi và tăng trưởng 5%, vượt mức 18 triệu tấn trong năm 2021 và giá cá tra tại ĐBSCL tăng trở lại nhờ nhu cầu hồi phục từ một số thị trường. Tổng Giám đốc ACV cho biết ACV đã được nhiều định chế tài chính quốc tế đã ký thỏa thuận cam kết hỗ trợ cho dự án Sân bay Long Thành với tổng giá trị đề xuất ở mức 5-6 tỷ USD giúp cổ phiếu giao dịch tích cực hơn thị trường chung ACV (+0.3%). Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng mạnh ở VNM (-1.94%), VRE (+0.33%), SSI (-1.39%).

**VNIndex & HNXIndex**



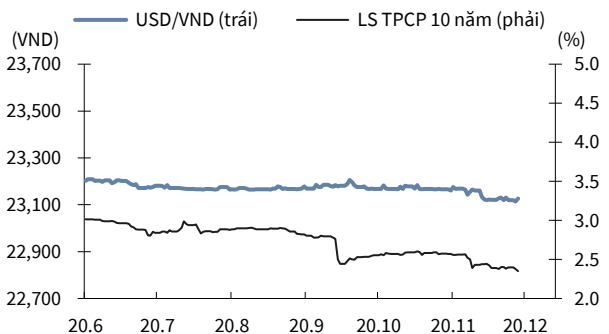
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Biến động nhóm ngành**



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm**



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng**



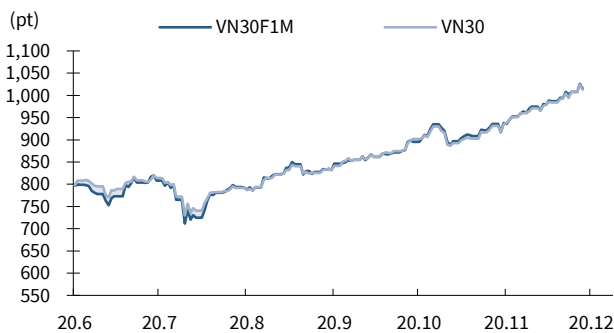
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,013.02 (-1.10%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,014.7 (-1.10%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,026.5</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,027.5</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,010.5</b>
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>131,168 (+41.9%)</b>

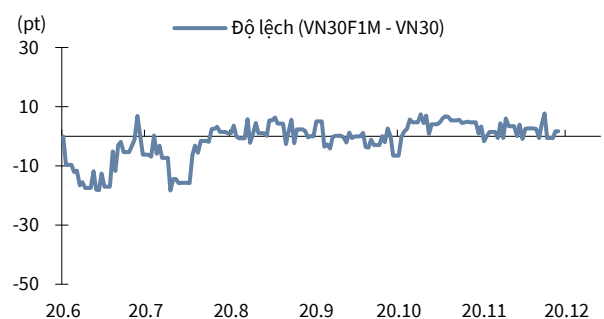
Các HĐTL đồng loạt giảm giá, tương đồng với TTCK Châu Á trước các lo ngại về diễn biến bùng phát của dịch Covid-19 tại nhiều quốc gia. Chênh lệch mở cửa ở 1.72 điểm, giao động trong phiên chủ yếu trong biên độ 1.6 đến 3.7 điểm, trước khi giảm nhẹ về cuối phiên và đóng cửa ở 1.68 điểm khi nhà đầu tư nội cover vị thế LONG trong phiên. Nhà đầu tư nước ngoài đẩy mạnh bán ròng ở F2021, thanh khoản ở mức trung bình.

## HĐTL VN30F1M & VN30



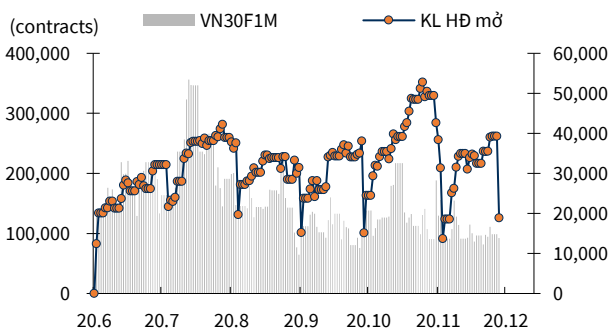
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



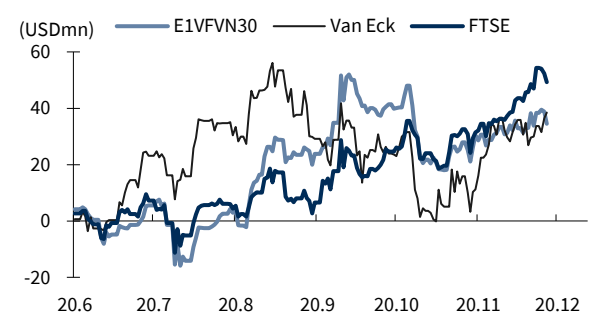
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

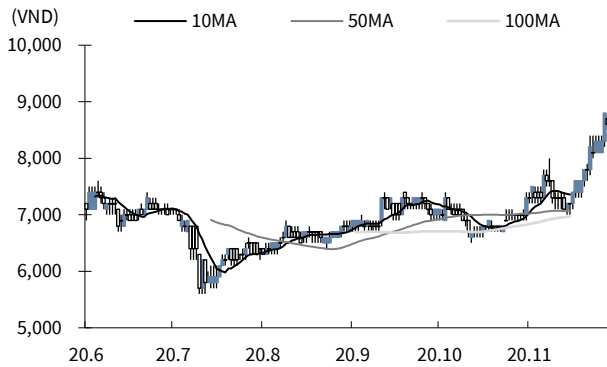
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

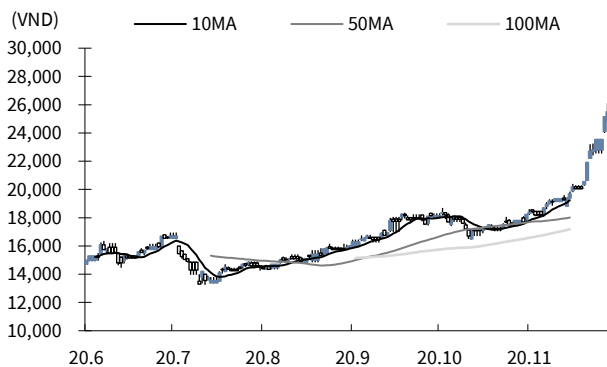
## Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- BSR đi ngang đóng cửa ở 8,600 VNĐ/cp.
- BSR cho biết nhà máy lọc dầu Dung Quất đã đạt mốc kế hoạch năm 2020 là 5.56 triệu tấn vào ngày 12/12 và ước tính cả năm đạt 5.93 triệu tấn, vượt kế hoạch 7%.
- Công ty ước tính tổng doanh thu 11 tháng đầu năm đạt 49,035 tỷ đồng sau 11 tháng hoạt động. Theo BSR, công ty thực hiện cắt giảm và tối ưu chi phí sản xuất kinh doanh giúp giá thành sản xuất bình quân 11 tháng đầu năm 2020 thấp hơn so với giá thành kế hoạch gần 30%.

## CTCP Chứng khoán SSI (SSI)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- SSI tăng 1.4% lên 25,500 VNĐ/cp.
- SSI đã ký hợp đồng vay hợp vốn tín chấp trị giá 85 triệu USD – tương đương gần 2,000 tỷ đồng từ nhóm 9 ngân hàng nước ngoài, đứng đầu là Ngân hàng Union Bank of Taiwan vào ngày 15/12 để đẩy mạnh các mảng kinh doanh như dịch vụ chứng khoán, kinh doanh giấy tờ có giá và cung cấp thêm nguồn vốn giá rẻ, đặc biệt là hoạt động cho vay margin. Khoản vay có kỳ hạn không quá 12 tháng với mức lãi suất ngắn hạn theo thị trường tiền tệ quốc tế.

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến giằng co khá mạnh trong phần lớn thời gian giao dịch trước khi lao dốc về cuối phiên.
- Sau 1 giai đoạn tăng kéo dài, với tầm ảnh hưởng của vùng kháng cự quanh 1070 (+5) và sự hình thành của mẫu nến đảo chiều "piercing line", chúng tôi cho rằng rủi ro điều chỉnh ngắn hạn đang đứng ở mức cao. Trong kịch bản đó, chỉ số có 2 điểm đỡ đáng lưu ý, gần là vùng 103x và xa hơn là 100x.
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi, chờ nhịp điều chỉnh rõ nét hơn trước khi mở lại từng phần trạng thái ngắn hạn tại các vùng hỗ trợ.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1029 - 1034

Kháng cự gần: 1018 - 1020

Hỗ trợ gần: 1003 - 1005

Hỗ trợ xa: 988 - 994

- F1 diễn biến giằng co khá mạnh trong phần lớn thời gian giao dịch trước khi lao dốc về cuối phiên.
- Sau 1 giai đoạn tăng kéo dài, với tầm ảnh hưởng của vùng kháng cự quanh 1030 (+5) và sự hình thành của mẫu nến đảo chiều "piercing line", chúng tôi cho rằng rủi ro điều chỉnh ngắn hạn đang đứng ở mức cao. Trong kịch bản đó, F1 có 2 điểm đỡ đáng lưu ý, gần là vùng 100x và xa hơn là quanh 970.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục ưu tiên mở vị thế SHORT ở các vùng kháng cự nhưng đặt STOP chặt.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Giữ vị thế đã mở, tăng một phần tỷ trọng tại vùng kháng cự gần nhưng cần đặt STOP nếu F1 vượt cản.

*Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.*

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

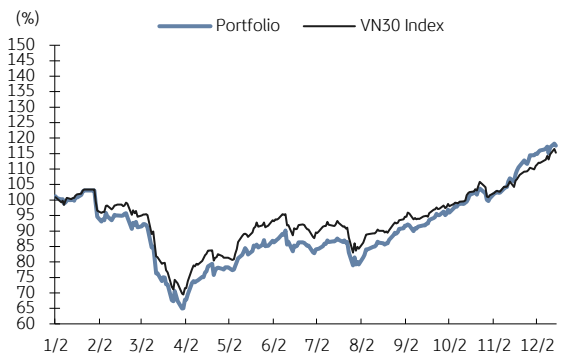
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-1.10%	-0.55%
Tăng lũy kế (YTD)	15.24%	17.57%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 15/12/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	115,300	-0.3%	-0.5%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	29,200	0.2%	19.4%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	77,100	-0.6%	0.6%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	21,500	-1.6%	25.4%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế hệ thống vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	47,500	-0.1%	39.7%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	56,700	-0.9%	69.4%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	35,000	-1.1%	43.4%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	85,400	-1.8%	16.3%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	38,600	-1.7%	97.5%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	16,450	2.5%	20.1%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
FUEVFNVD	0.4%	100.0%	172.9
FUESSVFL	0.3%	95.4%	37.5
BID	-0.9%	17.3%	35.5
PHR	2.4%	13.3%	33.0
HDG	3.0%	11.3%	26.0

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	-1.9%	58.2%	-218.0
VRE	0.3%	30.9%	-148.3
SSI	1.4%	48.6%	-84.1
HPG	-1.7%	33.5%	-68.2
MBB	-1.6%	23.0%	-58.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VCS	0.6%	3.2%	7.7
PVS	-1.3%	10.6%	0.8
VIG	8.3%	1.1%	0.5
BAX	0.0%	5.3%	0.4
CEO	1.2%	15.8%	0.2

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
RCL	1.7%	9.0%	-3.6
SHB	-1.2%	6.5%	-3.2
NHA	3.3%	6.7%	-0.5
VNR	0.0%	28.7%	-0.3
TAR	5.7%	0.3%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	9.3%	GVR, PHR
Dịch vụ tài chính	7.8%	SSI, HCM
Dầu khí	5.9%	PLX, PVD
Du lịch và Giải trí	4.7%	VJC, HVN
Ngân hàng	3.9%	VCB, BID

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-0.1%	AAA, PNC
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.1%	GAS, TMP
Thực phẩm và đồ uống	0.4%	SAB, MSN
Ô tô và phụ tùng	0.6%	TCH, SVC
Công nghệ thông tin	0.6%	CMG, ICT

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	21.1%	SSI, HCM
Hóa chất	19.6%	GVR, PHR
Tài nguyên Cơ bản	15.8%	HPG, POM
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	11.8%	GAS, POW
Dầu khí	11.3%	PLX, PVD

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	3.2%	PNC, AAA
Y tế	4.0%	VMD, DBD
Ô tô và phụ tùng	4.0%	SVC, HAX
Bán lẻ	4.5%	PSH, COM
Công nghệ thông tin	4.5%	CMG, ICT

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam



## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	107,000	361,920 (15,649)	94,650 (4.1)	22.8	55.8	43.4	21.9	7.0	8.5	3.8	3.5	-1.7	1.9	-0.4	-7.0
	VHM	VINHOMES JSC	86,000	282,898 (12,232)	238,620 (10.3)	27.0	10.6	9.1	35.1	36.8	30.9	3.3	2.5	-1.1	1.9	9.8	1.4
	VRE	VINCOM RETAIL JS	30,100	68,397 (2,957)	179,574 (7.8)	18.1	29.4	21.5	-11.1	8.2	11.0	2.4	2.2	0.3	6.7	10.7	-11.5
	NVL	NO VA LAND INVES	65,500	64,602 (2,793)	106,326 (4.6)	32.9	16.9	16.0	3.4	14.9	13.5	2.5	2.1	1.7	8.1	5.6	10.1
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	27,700	15,479 (669)	57,970 (2.5)	9.9	14.3	12.1	14.5	14.2	15.4	1.9	1.7	-2.1	1.7	11.9	8.1
	DXG	DAT XANH GROUP	14,900	7,722 (334)	92,442 (4.0)	12.3	18.7	7.4	-55.2	3.1	14.0	1.1	0.9	-0.3	-0.3	8.8	2.8
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	97,800	362,728 (15,684)	98,484 (4.3)	6.3	22.3	18.9	11.1	19.6	19.2	3.8	3.1	-2.1	5.0	12.5	8.4
	BID	BANK FOR INVESTM	46,100	185,415 (8,017)	111,519 (4.8)	12.7	33.2	20.3	-3.8	9.4	11.7	2.3	2.1	-0.9	8.0	14.4	-0.1
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	26,150	91,529 (3,958)	433,625 (18.7)	0.0	8.4	7.2	6.8	16.3	16.2	1.3	1.1	-0.2	4.6	13.7	11.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	35,000	130,319 (5,635)	331,488 (14.3)	1.0	13.8	10.4	31.2	12.6	14.8	1.6	1.4	-1.1	1.4	9.5	67.5
	VPB	VIETNAM PROSPERI	28,100	68,501 (2,962)	199,251 (8.6)	0.0	7.8	6.7	8.2	18.6	17.9	1.4	1.1	-2.1	-0.9	14.7	40.5
	MBB	MILITARY COMMERC	21,500	59,623 (2,578)	278,412 (12.0)	0.0	7.7	6.6	9.8	18.5	17.7	1.3	1.1	-1.6	0.7	11.4	18.9
	HDB	HDBANK	22,250	35,461 (1,533)	120,589 (5.2)	4.7	7.8	6.6	24.7	19.2	19.0	1.4	1.2	-0.4	0.2	9.2	33.3
	STB	SACOMBANK	15,950	28,768 (1,244)	276,389 (11.9)	14.4	16.5	12.9	11.5	7.2	8.5	1.0	1.0	0.0	0.6	14.7	58.7
	TPB	TIEN PHONG COMME	22,200	22,903 (990)	56,504 (2.4)	0.0	6.8	6.1	35.0	22.3	20.1	1.4	1.1	-1.1	0.7	11.6	28.9
EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,150	21,085 (912)	5,159 (0.2)	0.0	24.7	28.2	13.6	5.3	4.4	1.3	1.2	-0.3	0.6	-0.3	-3.7	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	58,200	43,203 (1,868)	57,437 (2.5)	20.5	34.0	27.6	4.6	6.6	8.2	2.2	2.1	-0.7	1.0	5.4	-15.2
	BMI	BAOMINH INSURANC	30,300	2,768 (120)	17,459 (0.8)	14.6	16.5	14.6	9.7	8.5	9.4	1.2	1.2	-0.5	2.0	5.6	22.2
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	25,500	15,324 (663)	177,047 (7.7)	51.5	13.2	12.4	-4.1	10.3	11.7	-	-	1.4	16.4	43.3	63.9
	VCI	VIET CAPITAL SEC	44,700	7,402 (320)	47,500 (2.1)	74.0	-	-	-	11.1	13.0	-	-	-1.8	0.0	6.2	51.5
	HCM	HO CHI MINH CITY	28,550	8,709 (377)	112,717 (4.9)	51.8	-	-	-	11.0	17.1	-	-	-0.7	7.7	24.7	33.7
	VND	VNDIRECT SECURIT	22,900	4,775 (206)	48,130 (2.1)	16.0	-	-	-	7.4	11.2	-	-	5.0	14.5	32.4	59.0
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	111,200	232,369 (10,048)	269,914 (11.7)	41.8	22.3	20.4	7.1	38.3	39.1	7.9	7.2	-1.9	1.8	3.5	14.5
	SAB	SAIGON BEER ALCO	199,000	127,615 (5,518)	26,226 (1.1)	36.9	29.6	24.5	3.5	22.4	24.9	6.2	5.5	-2.5	-3.4	7.6	-12.7
	MSN	MASAN GROUP CORP	84,500	99,261 (4,292)	83,306 (3.6)	15.3	94.3	38.8	-53.0	2.8	8.2	3.2	3.1	0.0	-1.2	-6.2	49.6
	HNG	HOANG ANH GIA LA	14,250	15,797 (683)	60,398 (2.6)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-1.0	1.8	31.3	2.5
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	125,000	65,480 (2,831)	72,708 (3.1)	11.3	-	30.0	-	0.1	19.7	4.5	4.0	-1.6	5.5	10.9	-14.5
	GMD	GEMADEPT CORP	33,200	9,858 (426)	120,173 (5.2)	4.6	24.5	21.9	-53.3	6.8	7.4	1.6	1.6	4.2	13.7	26.2	42.5
	CII	HO CHI MINH CITY	19,250	4,598 (199)	41,324 (1.8)	41.2	10.1	9.5	135.9	9.1	8.9	0.9	0.8	2.7	3.2	12.6	-14.4
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,180	1,237 (054)	10,540 (0.5)	46.9	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-0.9	-2.7	-87.4
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	20,900	9,822 (425)	168,928 (7.3)	36.1	28.6	12.0	-17.7	11.3	12.4	-	-	0.7	-0.5	4.5	8.0
	CTD	COTECCONS CONSTR	71,200	5,432 (235)	79,440 (3.4)	3.1	8.9	10.1	-33.8	7.4	6.5	0.6	0.7	1.3	6.4	15.6	38.8
	REE	REE	47,500	14,727 (637)	22,343 (1.0)	0.0	9.6	8.7	-9.0	13.6	13.8	1.3	1.2	-0.1	2.2	6.7	30.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	85,400	163,451 (7,068)	116,763 (5.0)	45.9	20.2	17.2	-14.2	17.0	18.4	3.2	3.2	-1.8	-0.8	16.2	-8.9
	NT2	PETROVIETNAM NHO	23,700	6,823 (295)	10,045 (0.4)	30.0	10.5	10.0	-7.3	14.3	16.5	1.6	1.6	0.4	0.0	2.2	9.5
	PPC	PHA LAI THERMAL	24,200	7,759 (335)	6,462 (0.3)	33.7	9.4	8.9	-14.3	14.2	14.7	1.3	1.2	-0.8	0.6	5.2	-10.0
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	38,600	127,893 (5,530)	858,101 (37.1)	15.5	11.3	9.4	15.0	20.7	20.6	2.2	1.9	-1.7	0.5	20.8	97.1
	DPM	PETROVIETNAM FER	18,000	7,044 (305)	53,287 (2.3)	36.0	10.3	10.8	7.1	9.6	8.7	0.8	0.8	0.8	-0.8	1.1	39.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	12,500	6,618 (286)	41,849 (1.8)	46.2	11.6	15.8	-1.5	10.1	7.7	1.0	1.1	0.8	-2.0	-1.2	92.3
	HSG	HOA SEN GROUP	20,900	9,286 (402)	244,637 (10.6)	36.8	8.6	7.3	71.2	15.4	15.5	1.2	1.1	-1.4	4.0	15.8	181.0
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	13,300	2,949 (128)	37,058 (1.6)	97.5	6.4	7.4	47.6	13.3	10.5	0.7	0.6	1.9	3.1	18.2	10.0
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	53,900	65,694 (2,841)	46,535 (2.0)	4.2	57.8	18.4	-42.9	5.0	15.1	2.7	2.4	-1.1	6.3	10.5	-3.8
	PVD	PETROVIETNAM DRI	13,650	5,748 (249)	119,360 (5.2)	39.4	45.4	47.2	-8.3	0.8	0.8	0.4	0.4	-1.1	1.9	15.2	-9.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	13,400	4,337 (188)	42,529 (1.8)	32.7	8.8	8.1	-9.6	10.5	10.6	0.9	0.8	-0.4	4.3	4.5	-8.3
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	115,300	52,185 (2,256)	129,425 (5.6)	0.0	13.8	10.3	11.6	27.1	28.7	3.4	2.7	-0.3	0.7	3.8	1.1
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	77,100	17,357 (751)	74,825 (3.2)	0.0	18.0	14.7	3.4	21.6	23.8	3.4	3.0	-0.6	-1.8	4.5	-10.3
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	46,000	1,439 (062)	1,561 (0.1)	70.3	19.3	14.1	-28.1	6.7	8.5	1.2	1.2	-0.9	-1.6	3.4	24.3
	FRT	FPT DIGITAL RETA	26,800	2,117 (092)	43,073 (1.9)	20.7	18.0	12.6	-48.9	6.7	12.2	1.4	1.3	-1.5	4.5	16.8	27.3
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	63,900	8,658 (374)	73,846 (3.2)	35.7	8.7	8.0	37.6	36.4	31.8	2.9	2.5	2.4	-1.7	4.1	67.3
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	105,500	13,794 (596)	645 (0.0)	45.2	18.4	18.1	13.6	21.4	20.3	3.6	3.4	0.3	-0.2	2.9	15.3
	PME	PYMEPHARCO JSC	76,500	5,738 (248)	1,758 (0.1)	23.9	16.3	-	7.3	16.4	-	2.7	-	-2.0	2.0	2.8	40.9
IT	FPT	FPT CORP	56,700	44,447 (1,922)	131,728 (5.7)	0.0	13.0	11.3	19.1	22.7	23.5	2.6	2.4	-0.9	0.9	5.4	11.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

---

**Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình**

binhnx@kbsec.com.vn

### **Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường**

**Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh**

anhtd@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh**

trinhhtt@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng**

tungla@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh**

anhhttp@kbsec.com.vn

### **Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)**

**Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu**

hieudd@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng**

tungna@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga**

ngaphb@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu**

hieunn@kbsec.com.vn

### **Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)**

**Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim**

harrison.kim@kbf.com

**Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung**

dungdpp@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh**

danhnt@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

### LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.